

# **Cuộc nổi dậy của dân tộc Tây Nguyên ở miền trung Việt Nam vào tháng 2 năm 2001**

Ts. Nguyễn Văn Huy  
(Đại Học Paris VII)

Chưa bao giờ, sau 1975, một sự kiện vừa xảy ra tại Việt Nam đã được các hãng thông tấn ngoại quốc loan tin nhanh và gây xúc động trong dư luận quốc tế đến như vậy.

Đầu tháng 2-2001, ngay khi cuộc xuống đường của khoảng 500 người Tây Nguyên tại trụ sở huyện Chu Prong ngày 31-1-2001, đòi trả tự do cho hai tín đồ Tin Lành bị công an bắt giam, dư luận quốc tế và cộng đồng người Việt hải ngoại đã được thông tin kịp thời và đầy đủ. Đại diện các chính phủ dân chủ phương Tây có mặt tại Hà Nội cũng đã yêu cầu chính quyền Việt Nam giải thích sự việc và cảnh báo không nên dùng bạo lực để đàn áp những người thiểu số.

Về phía Việt Nam, chính quyền cộng sản đã không coi nhẹ tầm quan trọng những cuộc xuống đường này, phản ứng của họ đã rất khôn ngoan và liền tức thời. Một mặt, chính quyền địa phương xoa dịu sự căm tức của dân tộc Tây Nguyên bằng cách trả tự do cho hai tín đồ Tin Lành vừa nói, kỷ luật năm cán bộ đặc trách chính sách người sắc tộc thiểu số vào ngày 29-3-2001 và cử cán bộ đến giải thích chính sách của nhà nước để dập tắt mầm chống đối ngay từ trứng nước. Mặt khác, Hà Nội loan tải nhanh chóng những tin tức liên quan đến các cuộc xuống đường của dân tộc Tây Nguyên, để minh oan trước dư luận quốc tế. Họ gán cho những người lãnh đạo gốc Tây Nguyên đủ thứ tội danh, nào là «phá hoại chính sách đoàn kết dân tộc», «gây rối,

bạo động», «tái lập nhà nước Đê Ga<sup>1</sup> tự trị»... Chưa hết, Hà Nội còn huy động bộ chỉ huy quân khu 5 đưa một lực lượng quân sự quan trọng, có cả trực thăng, đại pháo và xe tăng, lên Tây Nguyên ngăn chặn phong trào đòi đất đai của dân tộc Tây Nguyên lây lang sang những tỉnh khác. Cộng đồng người gốc Tây Nguyên tại các tỉnh Kontum, Bình Định, Phú Yên và Khánh Hòa đã bị giới hạn đi lại, các tuyến giao thông lên cao nguyên (quốc lộ 14, 19) bị chặn xét gắt gao, điện thoại của người gốc Tây Nguyên bị cắt. Tuy vậy những gì thực sự đã xảy ra vẫn lọt ra ngoài : nhiều cuộc va chạm giữa lực lượng an ninh và người gốc Tây Nguyên đã được biết đến.

Theo tuần báo *An Ninh Thế Giới* xuất bản tại Việt Nam<sup>2</sup> từ ngày 7-3-2001 đến 14-3-2001, đồng thời cũng là những thông tin do *Thông tấn xã Việt Nam* phát hành và được đăng trên các báo *Lao Động, Nhân Dân, Quân Đội Nhân Dân*... ra cùng thời điểm, cuộc bạo loạn đã diễn ra như sau:

«Ngày 29-1-2001, đồn [công an] biên phòng 729 bắt quả tang Rơ Lan Bon và Rơ Lan Duianh, người Gia Rai, trú tại buôn Ia Pla và Ia Mơ, xã Ia Pia, huyện Cư Prông mang nhiều tài liệu của Ksor Kok<sup>3</sup> có nội dung kích động, chia rẽ tình đoàn kết dân tộc. Ngay sau đó, từ Mỹ, Kok liên lạc với các tổ chức quốc tế, chỉ đạo tay chân ở trong nước gây sức ép thả hai tên này...».

«Trong cuộc gây rối ngày 2-2 [-2001] tại Pleiku, Buôn Ma Thuột, các đối tượng quá khích đã có những vi phạm pháp luật nghiêm trọng... Tại một số huyện ở Đắc Lắc, một số tên cầm đầu quá khích đã tìm cán bộ người dân tộc để trả thù vì họ không vận động bà con không theo chúng... Bọn cầm đầu còn bắt tất cả những thanh niên "hăng hái" đến ngủ tập trung để dễ huy động lực lượng khi cần. Nhưng từ ngày 5-2 -2001, khi các đội công tác vận động, giải thích bà con để họ gọi con cái về, vạch ra những việc làm phạm pháp luật thì nhiều người thấy mình bị lừa đã quay lại trả thù bọn cầm đầu. Có nơi bà con

---

<sup>1</sup> Đê Ga, đúng ra phải viết Déga, ngôn ngữ Rhadé có nghĩa là «dân tộc miền núi, người cao nguyên».

<sup>2</sup> «Sự thật về cuộc gây rối mang màu sắc chính trị ở Tây Nguyên», ra ngày 7/3/2001 và 14/3/2001.

<sup>3</sup> Ksor Kok là cựu thành viên Fulro, hiện cư trú tại Hoa Kỳ.

tự bắt và giải chúng lên chính quyền. Anh em công an lại phải vận động để mọi người không trả thù, bảo vệ tài sản cho bọn chúng. Từ ngày 7-2 -2001, hầu hết những tên cầm đầu đã ra tự thú, xin lỗi chính quyền...».

Sự thật như thế nào khi đọc các báo chí nước ngoài viết về biến cố này từ ngày 31-1-2001 đến 28-9-2001?

Một số báo chí cho rằng, ngày 31-1-2001, khoảng 500 người Jarai kéo tới trụ sở huyện Chu Prong phản đối việc bắt giam và đòi trả tự do cho hai tín đồ Tin Lành là hai ông Rahlan Pon và Rahlan Djan, bị lực lượng công an biên phòng bắt hai ngày trước đó (29-1-2001).

Ngày 2-2-2001, khoảng 6.000 tín hữu Jarai từ khắp nơi trong tỉnh Gia Lai kéo đến trụ sở tỉnh ủy và ủy ban nhân dân thành phố Pleiku yêu cầu thả hai tín đồ Tin Lành vừa kể. Cuộc biểu tình sau đó biến thành phong trào đòi tự do tôn giáo và trả lại đất đai cho dân tộc Tây Nguyên. Ngày 4-2-2001 đoàn biểu tình có lúc đã lên tới 20.000 người, trong đó có cả người Bahnar, một sắc tộc theo đạo Công Giáo ở phía Bắc tỉnh Gia Lai, đòi chính quyền trả lại đất đai của những buôn làng đã bị người Kinh chiếm đoạt trước đó.

Tại Đắc Lắc, trong các ngày từ 3 đến 11-2-2001, hàng ngàn người Rhadé và Mnong từ các huyện Ea Súp, Ea H'Leo, Buôn Đôn, Krong Năng, Krông Buk đã cùng nhau kéo về trụ sở tỉnh ủy Đắc Lắc biểu tình ủng hộ những đòi hỏi của người Jarai và yêu cầu nhà nước trả lại những phần đất đai của buôn làng đã bị đại diện các cơ quan công quyền tước đoạt.

Lo sợ phong trào đòi đất đai ngày càng lan rộng, các chính quyền cộng sản địa phương đã tỏ ra không nhân nhượng trước những đòi hỏi chính đáng này. Nhiều toán công an chống biểu tình đã được gởi tới để giải tán các đoàn biểu tình. Xô sát liền xảy ra. Công an dùng dùi cui và roi điện đánh vào đoàn người biểu tình để giải tán; những người biểu tình dùng đá và gậy gộc để chống lại. Tổng kết sau nhiều ngày xô sát, hơn 600 người gốc Tây Nguyên bị đánh đập, 200 người khác và 20 công an bị thương, nhiều cơ quan công quyền bị đập phá, hàng trăm người gốc Tây Nguyên bị bắt giam và hàng ngàn người khác chạy sang Campuchia lánh nạn.

Ngày 26-9-2001, tòa án tỉnh Đắc Lắc đã tuyên những án tù rất

nặng, từ 6 đến 11 năm tù, cho 7 người bị kết tội «phá rối an ninh» và «tàng trữ vũ khí quân dụng». Ngày 28-9-2001, tòa án tỉnh Gia Lai cũng đã tuyên những án tù nặng cho 7 người cầm đầu, nặng nhất là 12 năm tù và 5 năm quản chế. Trong năm 2002, hàng chục người khác cũng đã bị tuyên những án phạt nặng nề từ 2 đến 8 năm tù.

Kể từ sau biến cố vừa nói, toàn bộ lãnh thổ Tây Nguyên bị đặt dưới quyền quản trị triệt để của quân đội. Sư đoàn Tây Nguyên cùng những đại đội tổng hợp 15 và 16 đảm trách việc giữ gìn an ninh và dân vận trong những vùng sắc tộc gốc Tây Nguyên cư ngụ. Mọi ngõ ra vào Tây Nguyên đều bị kiểm soát gắt gao.

Hiện nay tình hình trên cao nguyên tuy tạm lắng yên nhưng vấn đề người gốc Tây Nguyên vẫn còn nguyên vẹn, chỗ đứng của những người gốc Tây Nguyên trong lòng dân tộc Việt Nam chưa có đáp số.

\*

Một sự kiện quan trọng cần được nhấn mạnh là những cuộc xuống đường phản đối của dân tộc Tây Nguyên không mang tính tự phát mà có sự vận động qui mô trên khắp cao nguyên giữa ba sắc tộc lớn, đó là Jarai, Rhadé và Bahnar. Không kèn, không trống, không phô trương, không có người đứng đầu, từng đoàn người càng ngày càng đông đi về phía trung tâm thành phố biểu tình. Họ đến từ các buôn làng lớn chung quanh, từ các nơi làm việc đã ùn ùn tới trước các trụ sở công quyền phản đối, tuy bất bạo động nhưng không sợ sệt. Mục đích của những cuộc xuống đường này là để đánh động dư luận quốc tế về sự tuyệt vọng của cộng đồng người gốc Tây Nguyên trong một xã hội mà họ và con cháu họ không có chỗ đứng. Sự quyết tâm và can đảm của dân tộc Tây Nguyên càng đáng được lưu ý.

Đây là những cuộc xuống đường lớn nhất xuất phát từ quần chúng tại miền Nam, đúng hơn là trên cao nguyên miền Trung, từ ngày toàn bộ miền Nam bị đặt dưới quyền quản trị của chế độ cộng sản miền Bắc. Khác với người Kinh, cả ở trong lẫn ngoài nước, cộng đồng dân tộc Tây Nguyên đã biểu dương quyết tâm và lực lượng một cách hiệu quả, trực diện với chính quyền Hà Nội nhưng không phô trương và gây ồn ào.

Cùng như sau 1975, toàn bộ quân lực miền Nam Việt Nam hùng

manh nhất Đông Nam Á đã rã hàng, không còn một ai nghĩ tới chuyện tái lập một lực lượng quân sự đủ khả năng chống lại quân cộng sản. Cộng đồng dân tộc Tây Nguyên thì trái lại, với một nhóm người ít ỏi nhưng đầy quyết tâm, họ đã thu nhặt những loại vũ khí mà quân đội Việt Nam Cộng Hòa bỏ rơi trên đường tháo chạy từ cao nguyên xuống đồng bằng tháng 3-1975 và đã đánh trả lại quân đội cộng sản trong suốt 7 năm trời, không có sự tiếp tế hay tiếp sức nào của ngoại bang. Chính vì ước muốn được sống trong danh dự, nhân phẩm không bị chà đạp mà cộng đồng dân tộc Tây Nguyên đã vùng dậy, họ chỉ muốn được sinh sống bình thường và được đối xử bình đẳng như mọi công dân Việt Nam gốc Kinh khác.

Có ít nhất ba nguyên nhân dẫn đến sự phản đối rầm rộ của dân tộc Tây Nguyên, nguyên nhân này kết nối với nguyên nhân kia tạo thành một khối nhuần thể.

Giọt nước đã làm tràn ly là việc bắt bớ, giam cầm và đánh đập hai tín đồ Tin Lành người Jarai, đó là hai ông Rahlan Pon và Rahlan Djan, người huyện Chư Prong. Hai người này bị kết tội «kích động gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc» vì đã truyền bá giáo lý đạo Tin Lành bằng thổ ngữ qua đài Chân Trời Mới phát thanh từ Philippines, một đài mà chính quyền cộng sản tìm cách phá sóng mà không được. Uy tín của hai vị này rất cao trong sắc tộc Jarai và được đông đảo người gốc Tây Nguyên địa phương ngưỡng mộ.

Việc bắt bớ và cấm đoán những người truyền bá đạo Tin Lành trên cao nguyên miền Trung không phải chỉ mới đây, nó đã bắt đầu từ ngày Buôn Ma Thuột lọt vào tay phe cộng sản, ngày 19-3-1975. Đạo Tin Lành trong giới người gốc Tây Nguyên gần như bị cấm hoạt động, 87 nhà thờ bị niêm phong, rất nhiều mục sư và tín đồ đạo Tin Lành người gốc Tây Nguyên, đa số là người Rhadé, Jarai, Churu và Kaho, đã bị bắt và giam giữ trong các trại học tập cải tạo; nhiều người đã thiệt mạng vì bệnh tật và thiếu đói, một số khác vẫn còn bị giam giữ cho tới ngày nay.

Chỉ từ đầu năm 1999, sau khi bị Liên Hiệp Quốc và Hoa Kỳ làm áp lực, Hà Nội mới chấp nhận để cho đạo Tin Lành trên cao nguyên được hoạt động trở lại, từ đó số tín đồ người gốc Tây Nguyên

tăng lên rất nhanh. Hiện nay có hơn 200.000 người gốc Tây Nguyên chính thức theo đạo Tin Lành, 12% tổng số người gốc Tây Nguyên trên cao nguyên, con số này sẽ còn cao hơn nữa trong những ngày tháng sắp tới. Nhưng đa số những tín đồ Tin Lành gốc Tây Nguyên vẫn sinh hoạt đạo dưới hình thức “hội thánh tư gia”, nghĩa là không trực tiếp đến nhà thờ, vì chỉ có một vài nhà thờ Tin Lành trong các thành phố và thị xã lớn mới được cử hành lễ ngày chủ nhật, tại những địa phương khác các nơi thờ phượng vẫn còn bị niêm phong. Hơn nữa, những tín đồ Tin Lành gốc Tây Nguyên đều là đối tượng cần theo dõi bởi các chính quyền địa phương, mọi hình thức hội họp đều bị cấm đoán.

Tại sao dân tộc Tây Nguyên theo đạo Tin Lành? Có hai lý do. Lý do sâu xa là tìm được trong đạo này sự an ủi trong tâm hồn trước cuộc sống vật chất đầy khó khăn và thiếu thốn, hơn nữa giáo lý của đạo Tin Lành cũng rất giản dị, chỉ cần kính Chúa yêu người là đủ. Lý do thực tiễn là muốn được nâng cao mức sống, nghĩa là được giúp đỡ về vật chất như những mục sư Tin Lành người Mỹ trước 1975 đã từng làm, vì khi theo đạo này số phận của họ không bị lãng quên.

Trên nguyên tắc giáo lý của đạo Tin Lành không chống lại chủ nghĩa cộng sản nhưng chính quyền cộng sản rất e ngại thế lực của đạo Tin Lành, một tôn giáo mà họ chưa khống chế được. Chỉ mới gần đây, ngày 8-2-2001, chính quyền cộng sản mới chủ động tổ chức một đại hội đồng tổng liên hội Hội thánh Tin Lành tại miền Nam Việt Nam nhằm loại trừ những hệ phái độc lập mà họ không thể kiểm soát được như các “hội thánh tư gia” của người gốc Tây Nguyên.

Tin Lành là một tôn giáo có tổ chức và có hậu thuẫn quốc tế cao, nhất là hậu thuẫn của dư luận Hoa Kỳ và các chế độ dân chủ phương Tây, khống chế được thành phần lãnh đạo tôn giáo này chính quyền cộng sản Việt Nam sẽ bớt lo ngại những chống đối bất ngờ có thể xảy ra. Một vấn đề đặt ra đối với chính quyền cộng sản là đạo Tin Lành có rất nhiều hội thánh, và hội thánh này độc lập với hội thánh kia, do đó rất khó quản trị mặc dù trên hình thức đã có sự thống nhất. Trong thực tế chính quyền cộng sản chỉ nắm được hội thánh Tin Lành của người Kinh trong các thành phố lớn, tại những nơi xa trung tâm thành phố những tín đồ Tin Lành gốc Kinh cũng vẫn bị phân biệt đối xử và đàn áp như người gốc Tây Nguyên.

Đối với cộng đồng dân tộc Tây Nguyên, những vị mục sư và người phụng sự đạo Tin Lành là những lãnh tụ mới. Từ sau 1975 giai cấp lãnh đạo cộng đồng người gốc Tây Nguyên đã gần như bị chính quyền cộng sản làm tan rã. Những người lãnh đạo phong trào *Fulro* (Mặt trận thống nhất giải phóng các dân tộc bị áp bức) thì một số đã chết, một số vẫn còn ngồi tù và một số khác đã trốn sang nước ngoài. Những lãnh tụ mới do đảng cộng sản dựng lên không được người gốc Tây Nguyên kính trọng và sống tách rời với đồng hương, trên thực tế họ chỉ là những bóng ma, có hư vị chứ không có thực quyền, vì tất cả những quyết định quan trọng đều do cán bộ cộng sản gốc Kinh, thực ra là Đảng Cộng Sản Việt Nam, định đoạt. Chính vì thế những cán bộ cộng sản gốc Tây Nguyên, đủ mọi cấp, đã không những không dám bênh vực quyền lợi của người Tây Nguyên trước sự lấn áp của thành phần di cư gốc Kinh mà còn thay mặt chính quyền hà hiếp đồng hương của họ. Phần lớn những cán bộ loại này an phận với những quyền lợi vật chất nhỏ nhoi mà chế độ ban cho, uy tín của họ rất thấp, đôi khi còn là đối tượng bị khinh miệt đối với người gốc Tây Nguyên.

Vai trò của lãnh tụ trong cộng đồng dân tộc Tây Nguyên rất quan trọng. Những người này phải là những người có đạo đức, có kinh nghiệm sống và kiến thức để hướng dẫn và bảo vệ cộng đồng. Đó là những tộc trưởng, chủ làng trước kia ; những trí thức được đào tạo theo Tây học dưới thời Pháp thuộc ; những nhân sĩ, sĩ quan dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa sau 1954 và là những tu sĩ Công Giáo và Tin Lành sau 1975. Tuy vậy, có uy tín song song với những nhân sĩ này là những vị bô lão trong mỗi gia đình và dòng tộc. Nói chung, đó là những người được cộng đồng người gốc Tây Nguyên kính trọng như những thần tượng của họ.

Bắt giam và đánh đập hai ông Rahlan Pon và Rahlan Djan chẳng khác nào đánh đập và xúc phạm thần tượng của người Djarai. Cũng nên biết Rahlan (hay R'Lan, Rơ Lan) là một trong mười họ lớn nhất của bộ tộc Jarai, đó là các họ Rchom, Ksor, Siu, R'ô, Rahlan, Rmah, Nay, Hieu, Kpa, Pui. Trước kia nhiều lãnh tụ thuộc các họ lớn của sắc tộc Rhadé như Nié, Mlô hay Emé, Jdrong, Eban, Lo, Eman... bị bắt giam cũng đã gây phẫn uất trong lòng người Rhadé và dẫn đến chống đối chính quyền. Kính trọng những người lãnh đạo cộng đồng người gốc Tây Nguyên là điều tối thiểu mà các quan chức lãnh đạo và

dân chúng gốc Kinh địa phương chưa hề ý thức.

Việc xuống đường phản đối việc bắt giam hai tín đồ Tin Lành người Djarai chỉ là lý do, nguyên do cụ thể là đời sống của người gốc Tây Nguyên ngày càng xuống cấp, nếu không muốn nói đang trên bờ tuyệt vọng. Mức sống của người gốc Tây Nguyên hiện nay quá thấp so với người Kinh, mặc dầu cũng đã rất thấp so với thế giới. Lợi tức bình quân đầu người của một người gốc Tây Nguyên hiện nay chưa tới 50 USD/năm (toàn quốc khoảng 400 USD/năm).

Hàng năm, sau mỗi cơn bão hay hạn hán, tỷ lệ người gốc Tây Nguyên thiếu đói tăng cao so với toàn quốc, nhiều dân làng người gốc Tây Nguyên phải vào rừng đào củ rừng, bắt côn trùng ăn cho đỡ đói. Những nhóm người gốc Tây Nguyên ở dọc dãy Trường Sơn phía Tây các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên (người Pacô, Ktu, Bru, Djê Triêng, R'măm) sống trong bệnh tật và thiếu đói triền miên; nơi cư trú của họ quá sâu và quá xa nên ít ai biết đến, phẩm vật cứu trợ nhận được gần như không có. Báo chí trong nước đã nhiều lần lên tiếng kêu cứu giùm họ nhưng không được đón nghe.

Trên cao nguyên, từ sau 1975 và nhất là từ 1986 trở đi, khi chính quyền cộng sản Việt Nam thi hành kế hoạch sản xuất cà phê xuất khẩu, nhiều công ty quốc doanh chiếm nhiều vùng đất tốt để lập đồn điền. Người Kinh từ đồng bằng sông Hồng và người sắc tộc thượng du miền Bắc cũng được ồ ạt đưa vào Tây Nguyên phá rừng, khẩn hoang để trồng cây cà phê. Đất đai cổ truyền quanh những buôn làng sắc tộc Tây Nguyên teo hẹp lại theo số di dân lên cao nguyên miền Trung lập nghiệp ngày càng đông. Những vùng đất dọc các trục lộ giao thông, trong thung lũng hay cạnh sông ngòi lần lượt lọt vào tay những người mới đến, nhiều buôn làng mất hết đất canh tác phải dời vào những chốn rừng sâu để tái định cư.

Luật đất đai ban hành năm 1993 phá vỡ nếp sống cổ truyền và bản cùng hóa người gốc Tây Nguyên vì mỗi hộ (nhà) bất kể số nhân khẩu chỉ được canh tác tối đa ba mẫu (3 hecta) và với lối canh tác kém năng suất hiện nay (làm rẫy) mỗi gia đình không thể canh tác đủ ăn. Chỉ một số ít gia đình gốc Tây Nguyên sinh sống cạnh những thành phố lớn, là cán bộ hay công nhân các đồn điền cà phê, có mức sống cao hơn đồng hương ở những nơi xa xôi (lương trung bình khoảng

400.000 đồng/tháng), nhưng vẫn còn rất thấp so với người Kinh trong vùng.

Sau mười năm triệt để canh tác cà phê (1986-1996), Việt Nam trở thành quốc gia sản xuất cà phê Robusta (*canephora*) hàng đầu trên thế giới với trên 210.000 tấn/năm (hay 3,5 triệu bao) và xuất khẩu cà phê Robusta đứng hàng thứ hai trên thế giới, sau Indonesia, với 190.000 tấn/năm (gấp ba lần năm 1990). Cũng nên biết cà phê Robusta chiếm 25% thị trường cà phê quốc tế sau cà phê Arabica.

Lợi tức do nghề trồng cà phê này mang lại trong thập niên 1990 khá cao, không những đủ bù đắp cho việc không trồng cây lương thực mà còn đem lại một cuộc sống sung túc cho người canh tác. Nhưng kể từ 1997 trở đi, thị trường cà phê quốc tế khựng lại, giá cà phê giảm liên tục cho tới ngày nay, lợi tức của nghề khai thác cà phê cũng giảm theo (giá một kí cà phê hột từ 20.000 đồng xuống còn 4.000 đồng).

Để bù đắp sự thiếu hụt này, những người canh tác cà phê gốc Kinh tìm thêm đất mới để trồng cây lương thực. Một phong trào khai hoang man dại đã diễn ra liên tục từ 1997 đến nay vẫn chưa chấm dứt mà nạn nhân là những dân làng gốc Tây Nguyên chất phác, bị lường gạt hay bị ép buộc nhường những vùng đất tốt cho những người khôn lanh hơn. Hậu quả hiển nhiên của những hành động này là nhiều buôn làng phải dời nơi cư trú cổ truyền vào những vùng đất kém màu mỡ trên các triền núi và chốn rừng sâu để sinh sống. Đó là chưa kể cách thi hành những biện pháp hành chính của chính quyền địa phương trong việc xây dựng và mở rộng đường sá, đất đai của những buôn làng gốc Tây Nguyên nằm dọc những đoạn đường được qui hoạch ngang qua bị trưng thu một cách tùy tiện và không được bồi hoàn xứng đáng. Hiện tượng này gián tiếp khuyến khích phong trào di dân đến lập nghiệp quanh các trục lộ giao thông mới, đẩy cộng đồng người gốc Tây Nguyên địa phương lùi sâu về phía rừng xanh. Trong chốn rừng sâu họ cũng không được yên thân, những công ty khai thác gỗ ngày đêm ra vào chở cây rừng đi bán, bất chấp sự bảo tồn hay bảo quản thiên nhiên và môi trường.

Những số tiền khổng lồ mà chính quyền cộng sản quảng cáo đã đổ ra trên cao nguyên không nhằm nâng cao mức sống người gốc Tây Nguyên mà để củng cố sự kiểm soát của nhà nước và tăng cường vai trò khống chế của những công ty cà phê quốc doanh trên toàn cao

nguyên. Chỉ một vài nhóm người gốc Tây Nguyên lớn như Jarai, Rhadé và Bahnar mới đủ mạnh để chịu đựng sức ép này, những nhóm nhỏ hơn, sống rải rác trên khắp vùng đồi núi cao nguyên, chỉ biết cúi đầu chấp nhận số phận đen tối và tàn lụi dần theo thời gian.

Trước sự thua thiệt này, cộng đồng người gốc Tây Nguyên chỉ còn trông đợi sự cứu tế của các tổ chức thiện nguyện nhân đạo và tôn giáo quốc tế để tồn tại, nhưng tất cả đều bị chính quyền cộng sản Việt Nam cản ngăn nên sự giúp đỡ rất là nhỏ giọt, đôi khi không đến tay người cần giúp đỡ mà lọt vào túi các quan chức địa phương. Tại nhiều nơi, chỉ vì muốn giúp riêng cộng đồng người gốc Tây Nguyên mà nhiều tổ chức thiện nguyện quốc tế bị đình chỉ hoạt động, các cơ sở đã xây dựng đều bị trưng thu, chỉ những người gốc Tây Nguyên bị thua thiệt. Gần như tất cả các chính quyền địa phương không quan tâm đến sự sống còn của cộng đồng người gốc Tây Nguyên, họ chỉ biết chăm nom đời sống của chính cá nhân và gia đình họ.

Sức chịu đựng của người gốc Tây Nguyên đã đạt tới hạn tối đa. Ngày 8-8-2000 hơn 150 người Rhadé tại Đắc Lắc bị cưỡng bách di trú sang một làng mới đã trở về tán công di dân gốc Kinh đang cư ngụ trong làng cũ (Buôn Xer) của họ. Những cuộc xuống đường phản đối hồi đầu tháng 2-2001 vừa qua chỉ là khởi điểm của phong trào bất mãn đòi công lý, do chính quyền không đưa ra một giải pháp cụ thể để giải quyết sự thua thiệt của người gốc Tây Nguyên trước sức ép của những di dân mới.

Hai biện pháp cụ thể có thể thực hiện được là để cho các hội thiện nguyện quốc tế đến giúp đỡ và trả lại những vùng canh tác cổ truyền quanh các buôn làng gốc Tây Nguyên. Nhưng cho dù chính quyền cộng sản có nhượng bộ trên hai điểm vừa nói, vấn đề người gốc Tây Nguyên sẽ cũng không được giải quyết nếu không có một chính sách hội nhập đúng đắn, tôn trọng tiếng nói và chỗ đứng của họ trong lòng dân tộc Việt Nam.

Hai nguyên nhân vừa kể chỉ là phần nổi của một băng đảo đang cơn phân nộ, thực chất của vấn đề là danh dự của người gốc Tây Nguyên đã và đang bị chà đạp nặng nề. Trong gần 50 năm cộng cư với người Kinh, từ 1954 đến nay, chưa một chính quyền Việt Nam nào thực sự tôn trọng sự hiện hữu và thành tâm nâng cao mức sống của người gốc Tây Nguyên. Cộng đồng người gốc Tây Nguyên luôn bị coi

là những thứ dân hạng hai, bị khinh khi và lợi dụng vì không cùng văn hóa và huyết thống với người Kinh.

Để tiếng nói và chỗ đứng của mình được tôn trọng, người gốc Tây Nguyên đã sử dụng đủ mọi biện pháp có thể sử dụng được, từ đấu tranh quân sự bạo động đến đấu tranh chính trị ôn hòa, từ can đảm đương đầu đến an phận cúi đầu, họ chỉ lãnh nhận những hậu quả tai hại của một quyết tâm đàn áp mạnh hơn của bất cứ chính quyền nào của người Kinh.

Chính vì không muốn bị diệt vong, từ 1956 người gốc Tây Nguyên tìm hậu thuẫn ở các thế lực phương Tây (Pháp và Mỹ) để được tồn tại, và dưới áp lực của các cường quốc này cộng đồng người gốc Tây Nguyên mới có một chỗ đứng vinh dự hơn, nhưng thời vàng son này đã không kéo dài lâu, chỉ được mười năm thì chấm dứt (từ 1964 đến 1975).

Dưới chế độ cộng sản, đa số những lãnh tụ gốc Tây Nguyên thuộc chính quyền miền Nam cũ đều bị bắt giam hoặc bị giết, những người còn lại phải trốn ra nước ngoài hay sống im lặng trong chốn rừng sâu. Những lãnh tụ gốc Tây Nguyên theo phe cộng sản, các ông Y Bih Aleo (phó chủ tịch Mặt Trận Giải Phóng miền Nam), Y Blok Eban (cựu chủ tịch ủy ban quản quản Buôn Ma Thuột vào tháng 3-1975), Y Niê Thuột (thượng tá thường vụ tỉnh ủy, chỉ huy trưởng bộ chỉ huy quân sự Đắk Lắk), Ksor Phước (bí thư tỉnh ủy Gia Lai, bộ trưởng tài nguyên và môi trường, chủ nhiệm ủy ban dân tộc quốc hội), Y Vênh (chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Kontum)... bắt lực trước sự bực đái của cán bộ người Kinh, chỉ biết im lặng và sống trong bóng tối. Hơn nữa mỗi khi xảy ra lỗi lầm nào do cán bộ gốc Kinh gây ra, thay vì kỷ luật những cán bộ gây ra lỗi lầm đó đảng này chính những cán bộ gốc Tây Nguyên đang công tác trong lãnh vực đó bị chế tài như trường hợp Ksor Phước cuối năm 2003 vừa qua.

Sự bất mãn của người gốc Tây Nguyên trước phong trào chiếm đất của người Kinh, có lý do chính đáng. Họ là những cư dân đầu tiên trên cao nguyên miền Trung, quyền làm chủ tự nhiên vùng đất này đã có từ lâu, nhưng ngày nay người gốc Tây Nguyên trở thành thiểu số và không có tiếng nói ngay trên chính quê hương của họ. Trước 1940, người Kinh chỉ chiếm 1% dân số trên cao nguyên, năm 1945: 5%, năm 1954: 15%, năm 1975: 32%. Năm 2000 người Kinh trở thành đa số

với hơn bốn triệu dân, chiếm 72% dân số trên tổng số 5,8 triệu dân trên toàn cao nguyên miền Trung, toàn bộ cộng đồng người gốc Tây Nguyên chỉ còn tương trưng 28% dân số.

Sự áp đảo về dân số và số lượng cũng còn có thể chấp nhận được vì họ trở thành thiểu số, nhưng điều mà người gốc Tây Nguyên không chịu đựng được là sự khinh miệt của người Kinh. Chỉ cần rảo mắt nhìn quanh, người ta dễ dàng phát hiện sự coi thường người gốc Tây Nguyên trong những quan hệ thường ngày. Trước các trạm bệnh xá, không bao giờ người Kinh xếp hàng chung với người gốc Tây Nguyên; trong các trường học, trẻ em gốc Kinh không chơi với trẻ em gốc Tây Nguyên; trong chợ, thương gia gốc Kinh không chịu ngồi nơi nào có người gốc Tây Nguyên đứng bán. Khi vào cơ quan xin cấp giấy tờ hay bị xét hỏi ngoài đường, sự khinh miệt của những viên chức nhà nước không cần che giấu, họ cười cợt và chế giễu công khai trước sự ngây ngô của cư dân gốc Tây Nguyên.

Số người Kinh thực sự quan tâm đến sự sinh tồn của người gốc Tây Nguyên rất ít, đa số là những tu sĩ Công Giáo, Tin Lành và Phật Giáo, số còn lại là những chuyên gia sắc tộc, giáo viên và y sĩ trẻ. Hơn nữa, muốn giúp đỡ người gốc Tây Nguyên cũng không dễ dàng, những người thiện tâm bị ức chế đủ điều. Tại nhiều nơi, các đoàn thiện nguyện phải tổ chức cứu trợ “chui”, lén lút chở đồ cứu trợ ban đêm để tránh sự ngăn chặn của các toán công an địa phương và biên phòng, có như thế phẩm vật cứu trợ mới tới tay người cần. Khi bị phát hiện, những người cứu trợ bị trời, bất kể là tu sĩ hay dân thường, dẫn về đồn để tra khảo và đánh đập.

Người Kinh không được thông tin và giáo dục về sự hiện hữu của các cộng đồng sắc tộc thiểu số một cách lương thiện. Người gốc Tây Nguyên vẫn còn bị gọi là «man», là «mọi», hai ngôn từ cần phải xóa bỏ trong ký ức tập thể của người Việt Nam. Hai ngàn năm trước dân tộc Việt Nam đã tranh đấu với Trung Quốc để xóa bỏ danh xưng đầy miệt thị này, thì ngày nay người Kinh không nên gọi các dân tộc không cùng văn hóa bằng những danh xưng đó. Hiện nay chính quyền cộng sản dùng danh xưng «người dân tộc» để chỉ người gốc Tây Nguyên, nhưng trong những quan hệ thường ngày họ vẫn là những sắc dân «man, mọi» thường bị đối xử lỗ mông và bất kính.

Sự khinh miệt người gốc Tây Nguyên càng kéo dài chỉ có hại vì phản ứng của người gốc Tây Nguyên rất khó lường trước. Tiêu cực thì họ rút vào rừng sâu sống biệt lập với người Kinh để rồi tuyệt tích ; tích cực họ sẽ dùng bạo lực để tiếng nói và chỗ đứng được tôn trọng. Nếu phản ứng thứ hai này được sử dụng, cụm từ «đại đoàn kết dân tộc» hay «dân tộc Việt Nam» mất hết nội dung, và hậu quả biết trước là một cộng đồng dân tộc yếu kém hơn sẽ bị tiêu diệt, về văn hóa lẫn thể chất.

Vấn đề người gốc Tây Nguyên hiện nay cần phải đòi hỏi một giải pháp toàn bộ chứ không thể bằng những giải pháp cục bộ.